TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7** **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 14/2026/HNGĐ-ST Ngày 28/5/2026 V/v *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên Tòa: Ông Lê Mạnh Lưu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Thành Nhân

Ông Hồ Văn Thứ

- Thư ký phiên Tòa*:*Ông Phùng Nam Hải – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Hoài Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2026, tại Hội trường Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2026/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2026, về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/4/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2026/QĐST-HNGĐ ngày 12/5/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn H, xã T, tỉnh Quảng Trị. Có mặt

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Đình M; sinh năm 1985; Địa chỉ: Thôn H, xã T, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng C - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C thuộc Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh C; Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: Ông Hồ Văn Q; Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch (Quyết định về việc uỷ quyền tham gia tố tụng và thi hành án số 10107/QĐ-NHCS ngày 19/11/2025 của Ngân hàng C). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/02/2026 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Nguyễn Đình M tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 18/7/2005 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị (Nay là xã T, tỉnh Quảng Trị). Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm; Nhiều lần bà H nộp đơn xin ly hôn, sau đó vợ chồng đoàn tụ nhưng ông M vẫn không thay đổi. Nhận thấy hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể tiếp tục. Nay, bà Nguyễn Thị Mỹ H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Nguyễn Đình M.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Nguyễn Đình M có 07 con chung là cháu Nguyễn Thị Khánh H1, sinh ngày 20/01/2006, cháu Nguyễn Đình Trí D, sinh ngày 13/10/2008, cháu Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 16/01/2011; cháu Nguyễn Ngọc Bảo T1, sinh ngày 30/6/2016, cháu Nguyễn Đình Minh H2, sinh ngày 12/5/2018, cháu Nguyễn Đình Minh T2, sinh ngày 16/12/2019 và cháu Nguyễn Thị Thanh T3, sinh ngày 14/12/2022. Hiện cháu Nguyễn Thị Khánh H1 đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn bà Nguyễn Thị Mỹ H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 06 cháu bao gồm: Cháu Nguyễn Đình Trí D, cháu Nguyễn Ngọc Bảo T, cháu Nguyễn Ngọc Bảo T1, cháu Nguyễn Đình Minh H2, cháu Nguyễn Đình Minh T2 và cháu Nguyễn Thị Thanh T3. Không yêu cầu ông Nguyễn Đình M phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Trong quá trình chung sống, bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Nguyễn Đình M1 có vay vốn tại Ngân hàng C Chi nhánh Hướng Hóa số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*). Khi ly hôn, bà Nguyễn Thị Mỹ H có nguyện vọng được chia đôi số nợ trên, bà Nguyễn Thị Mỹ H có nghĩa vụ trả số tiền 25.000.000 đồng và lãi phát sinh; ông Nguyễn Đình M1 có nghĩa vụ trả số tiền 25.000.000 đồng và lãi phát sinh.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H đã giao nộp: 01 Đơn khởi kiện; 01 Trích lục kết hôn (bản sao); 01 Xác nhận thông tin cư trú; 06 Giấy khai sinh của con (bản chứng thực); 01 Căn cước công dân (bản phô tô chứng thực); 01 Sổ vay vốn (Bản chứng thực); 01 giấy chứng nhận hộ nghèo, cận nghèo (Bản chứng thực); 01 đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Đình M không tham gia phiên toà và không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngân hàng C - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C thuộc Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh C có ý kiến: Ngày 11/02/2023, ông Nguyễn Đình M và bà Nguyễn Thị Mỹ H vay vốn tại Phòng C số tiền vay 50.000.000 đồng, với lãi suất vay 7,92%/năm theo chương trình vay Hộ cận nghèo, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 11/02/2030. Nay bà H và ông M yêu cầu giải quyết ly hôn, đề nghị ông M, bà H tất toán khoản vay cho Ngân hàng trước khi ly hôn. Kèm theo công văn trình bày ý kiến Phòng C giao nộp 01 Sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay – thu nợ - dư nợ; 01 Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay (Bản sao y); 01 Giấy ủy quyền (Bản sao y); 01 sổ vay vốn (Bản sao y)

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 7, tỉnh Quảng Trị phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại các Điều 48, 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Cụ thể trong vụ án này, đã tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn. Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc thụ lý vụ án đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật tố tụng dân sự.

Thời hạn chuẩn bị xét xử: Đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Việc xét xử được tiến hành công khai, công bằng. Đảm bảo sự vô tư, khách quan trong tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ Điều 37, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 28, Điều 35, Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Mỹ H được ly hôn với ông Nguyễn Đình M.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đình Trí D, sinh ngày 13/10/2008; cháu Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 16/01/2011; cháu Nguyễn Ngọc Bảo T1, sinh ngày 30/6/2016; cháu Nguyễn Đình Minh H2, sinh ngày 12/5/2018; cháu Nguyễn Đình Minh T2, sinh ngày 16/12/2019 và cháu Nguyễn Thị Thanh T3, sinh ngày 14/12/2022 cho bà Nguyễn Thị Mỹ H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Đình M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Nguyễn Đình M tiếp tục thực hiện hợp đồng vay tài sản, mỗi bên chịu trách nhiệm trả ½ số tiền nợ gốc: 45.000.000 đồng và lãi phát sinh cho Ngân hàng Chính sách cho đến khi thanh toán xong theo hợp đồng.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ H thuộc diện hộ nghèo và có đơn xin miễn nộp án phí nên được miễn án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 7, tỉnh Quảng Trị, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Mỹ H khởi kiện xin được ly hôn ông Nguyễn Đình M về người nuôi con, chia nợ chung của vợ chồng khi ly hôn. Tòa án thụ lý giải quyết và xác định quan hệ "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Nguyễn Đình M có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã T, tỉnh Quảng Trị nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Quảng Trị theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 1 Luật số: 85/2025/QH 15 của Quốc Hội: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án.

Sau khi thụ lý vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Nguyễn Đình M. Ông M vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai và không có ý kiến gì. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:

Bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Nguyễn Đình M tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 18/7/2005 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Nhiều lần bà H nộp đơn khởi kiện xin ly hôn với ông M, vợ chồng đã đoàn tụ nhưng ông M vẫn không thay đổi; Tòa án cũng đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân tại địa phương và có kết quả là quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn với nhau.

Nhận thấy vợ chồng bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Nguyễn Đình M đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Mỹ H được ly hôn với ông Nguyễn Đình M.

[3]. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Nguyễn Đình M có 07 con chung là cháu Nguyễn Thị Khánh H1, sinh ngày 20/01/2006, cháu Nguyễn Đình Trí D, sinh ngày 13/10/2008, cháu Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 16/01/2011; cháu Nguyễn Ngọc Bảo T1, sinh ngày 30/6/2016, cháu Nguyễn Đình Minh H2, sinh ngày 12/5/2018, cháu Nguyễn Đình Minh T2, sinh ngày 16/12/2019 và cháu Nguyễn Thị Thanh T3, sinh ngày 14/12/2022. Hiện cháu Nguyễn Thị Khánh H1 đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Khi ly hôn bà Nguyễn Thị Mỹ H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con gồm: cháu Nguyễn Đình Trí D, cháu Nguyễn Ngọc Bảo T, cháu Nguyễn Ngọc Bảo T1, cháu Nguyễn Đình Minh H2, cháu Nguyễn Đình Minh T2 và cháu Nguyễn Thị Thanh T3. Không yêu cầu ông Nguyễn Đình M phải cấp dưỡng nuôi con.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến của các con thì các con đều có nguyện vọng được ở với mẹ là bà Nguyễn Thị Mỹ H. Xét thấy, nguyện vọng của nguyên đơn và các con chung là phù hợp với Điều 81, 82 Luật Hôn nhân gia đình nên cần chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Mỹ H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4]. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về nợ chung: Trong quá trình chung sống, bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Nguyễn Đình M1 có vay vốn tại Ngân hàng C - Phòng giao dịch Ngân hàng chính

sách xã hội huyện C thuộc Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh C. Tính đến ngày 28/5/2026 dư nợ gốc là 45.000.000 đồng, lãi 156.940 đồng (tổng cộng 45.156.940 đồng). Xét thấy khoản vay trên được thực hiện trong thời kỳ hôn nhân, là nợ chung của vợ chồng, khi ly hôn bà H và ông M có nghĩa vụ liên đới, mỗi người có trách nhiệm trả ½ của số tiền còn nợ gốc và tiền lãi tương ứng theo quy định tại Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình là có cơ sở.

[6]. Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H thuộc diện hộ nghèo và có đơn xin miễn nộp án phí nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Đình M phải chịu án phí dân sự theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280, Điều 288, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự.

Căn cứ Điều 27, Điều 37, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 1 Luật số: 85/2025/QH 15 của Quốc Hội: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Mỹ H được ly hôn với ông Nguyễn Đình M *(Giấy chứng nhận kết hôn số 09 ngày 18/7/2005 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị, nay là xã T, tỉnh Quảng Trị).*

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đình Trí D, sinh ngày 13/10/2008; cháu Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 16/01/2011; cháu Nguyễn Ngọc Bảo T1, sinh ngày 30/6/2016; cháu Nguyễn Đình Minh H2, sinh ngày 12/5/2018; cháu Nguyễn Đình Minh T2, sinh ngày 16/12/2019 và cháu Nguyễn Thị Thanh T3, sinh ngày 14/12/2022 cho bà Nguyễn Thị Mỹ H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Đình M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm

nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi của con, khi cần thiết, một hoặc hai bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về nợ chung: Buộc ông Nguyễn Đình M và bà Nguyễn Thị Mỹ H có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng C - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C thuộc Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh C số tiền vay tính đến ngày 28/5/2026 tổng cộng là 45.156.940 đồng (Trong đó, nợ gốc là 45.000.000 đồng, nợ lãi 156.940 đồng). Trong đó, phần nghĩa vụ trả nợ của mỗi người cụ thể là: Bà Nguyễn Thị Mỹ H là 22.500.000 đồng tiền gốc và lãi phát sinh đến ngày 28.5.2026 là 78.470 đồng (Tổng cộng 22.578.470 đồng); Ông Nguyễn Đình M1 là 22.500.000 đồng tiền gốc và lãi phát sinh đến ngày 28.5.2026 là 78.470 đồng (Tổng cộng 22.578.470 đồng). Phát sinh từ sổ vay vốn ngày 11/02/2023 giữaNgân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C thuộc Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh C với bà Nguyễn Thị Mỹ H.

Kể từ ngày 29/5/2026, ông Nguyễn Đình M và bà Nguyễn Thị Mỹ H3 tiếp tục chịu khoản nợ lãi đối với khoản tiền nợ gốc cho đến khi thanh toán xong khoản tiền nợ gốc, theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng vay vốn đã ký kết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Miễn án phí ly hôn sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị Mỹ H theo quy định.

Ông Nguyễn Đình M phải chịu 1.128.923 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28/5/2026); Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND khu vực 7;
- Phòng THADS khu vực 7;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- UBND xã Tân Lập;
- Công an xã Tân Lập;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA;

Lê Mạnh Lưu